

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT02007: TÀI NGUYÊN RỪNG (FOREST RESOURCES)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 3
- Tín chỉ: Tổng số tín chỉ **2 (Lý thuyết 2 – Thực hành 0 – Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thảo luận trên lớp: 9 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Sinh thái Nông nghiệp
 - Khoa: Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần tiên quyết: Sinh thái đại cương Mã học phần: MT01016
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về đặc điểm tài nguyên sinh vật và tài nguyên sinh vật rừng; Thành phần và chu trình dinh dưỡng trong rừng nhiệt đới; Các nhân tố cấu trúc rừng và quy luật vận động của rừng; Các phương pháp/tiêu chí phân rừng vùng ôn đới, nhiệt đới và ở Việt Nam; Thực trạng tài nguyên rừng trên thế giới và ở Việt Nam; Nguyên nhân gây suy thoái tài nguyên rừng và hệ quả đối với môi trường; Các nguyên tắc/phương thức quản lý tài nguyên rừng bền vững.
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm thông qua các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Về thái độ: Thái độ học tập nghiêm túc và có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên rừng phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kiến thức chuyên môn	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thử nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CDR5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CDR6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CDR10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12
MT02007	Tài nguyên rừng			P	I			I					I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Mô tả đặc điểm tài nguyên sinh vật và tài nguyên sinh vật rừng, thành phần và chu trình dinh dưỡng trong rừng nhiệt đới. Trình bày các nhân tố cấu trúc rừng và một số quy luật vận động của	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.

	rừng.	
K2	Mô tả các phương pháp phân loại rừng ở vùng ôn đới, nhiệt đới và ở Việt Nam	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
K3	Phân tích thực trạng tài nguyên rừng trên thế giới và ở Việt Nam và chỉ ra các nguyên nhân gây suy thoái rừng và mất rừng và hệ quả đối với môi trường.	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường. CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
K4	Trình bày khái niệm và các nguyên lý quản lý rừng bền vững.	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
K5	Trình bày vai trò sinh thái và môi trường của rừng.	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
Kỹ năng		
K6	Thảo luận nhóm theo các chủ đề liên quan đến học phần.	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
Thái độ		
K7	Thái độ học tập nghiêm túc và có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên rừng phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT02007 – Tài nguyên rừng (Forest resources). (2TC: 2 – 0 – 6). Học phần này bao gồm các kiến thức về tài nguyên sinh vật và tài nguyên sinh vật rừng; Các phương pháp và tiêu chí phân loại rừng; Hiện trạng và diễn biến tài nguyên rừng ở Việt Nam và trên thế giới, các nguyên nhân gây suy thoái rừng và mất rừng và các hiểm họa do tàn phá tài nguyên rừng gây ra; Các biện pháp quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng; Vai trò, chức năng sinh thái và môi trường của rừng.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận / thảo luận theo nhóm các trường hợp nghiên cứu
- Dạy học dựa trên vấn đề/ Bài tập tình huống
- Dạy qua e-learning (<http://elearning.vnua.edu.vn/>)

2. Phương pháp học tập

- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp

- Tự học thông qua tài liệu do giáo viên cung cấp thông qua trang học trực tuyến (<http://elearning.vnua.edu.vn>)
- Nghe giảng, trao đổi các vấn đề liên quan đến bài giảng trên lớp hoặc qua elearning/email
- Khai thác các nguồn tài liệu từ internet để phục vụ môn học

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết trên lớp và tham gia các hoạt động trên lớp.
- Chuẩn bị bài: sinh viên phải đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp, tham gia thảo luận các chủ đề do giảng viên yêu cầu
- Đánh giá giữa kỳ: sinh viên tham dự học phần này phải làm bài kiểm tra giữa kỳ theo chủ đề giảng viên yêu cầu.
- Dự thi cuối kỳ theo lịch của Học viện

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 50%
 - + Đánh giá tham dự và câu hỏi kiểm tra nhanh: 10%
 - + Thảo luận nhóm: 20%
 - + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 50%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMD của HP	Đánh giá tham dự và câu hỏi kiểm tra nhanh (10%)	Thảo luận nhóm (20%)	Kiểm tra giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)
K1	x	x	x	
K2	x		x	
K3	x	x		x
K4	x	x		x
K5	x	x		x
K6		x		
K7	x	x		

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Mô tả được đặc điểm tài nguyên sinh vật và tài nguyên sinh vật rừng
	Chỉ báo 2: Trình bày được khái niệm về rừng và sự hình thành của hệ sinh thái rừng.
	Chỉ báo 3: Mô tả được thành phần của hệ sinh thái rừng.
	Chỉ báo 4: Trình bày được đặc điểm của đất rừng và chu trình dinh dưỡng

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
	trong rừng nhiệt đới.
	Chỉ báo 5: Trình bày được khái niệm cấu trúc rừng và các nhân tố cấu trúc rừng.
	Chỉ báo 6: Trình bày được khái niệm, hình thức và phương thức tái sinh rừng.
	Chỉ báo 7: Trình bày được đặc điểm sinh trưởng và phát triển của rừng.
	Chỉ báo 8: Trình bày được khái niệm diễn thế rừng, nguyên nhân, các kiểu diễn thế.
K2	Chỉ báo 9: Mô tả được phương pháp phân loại rừng ôn đới.
	Chỉ báo 10: Mô tả được phương pháp phân loại rừng nhiệt đới
	Chỉ báo 11: Mô tả được phương pháp và tiêu chí phân loại rừng ở Việt Nam
K3	Chỉ báo 12: Đánh giá được hiện trạng tài nguyên rừng trên thế giới
	Chỉ báo 13: Đánh giá được hiện trạng và diễn biến tài nguyên rừng ở Việt Nam
	Chỉ báo 14: Chỉ ra được các nguyên nhân làm giảm diện tích rừng và suy thoái rừng trên thế giới.
	Chỉ báo 15: Chỉ ra được nguyên nhân làm suy thoái rừng và mất rừng ở Việt Nam.
K4	Chỉ báo 16: Trình bày được khái niệm và các nguyên lý quản lý rừng bền vững
	Chỉ báo 17: Tóm tắt được nội dung cơ bản trong sử dụng rừng bền vững
	Chỉ báo 18: Trình bày được khái niệm chứng chỉ rừng và hiện trạng cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam.
K5	Chỉ báo 19: Phân biệt được dịch vụ sinh thái và dịch vụ môi trường rừng
	Chỉ báo 20: Xác định được tổng giá trị kinh tế của rừng
	Chỉ báo 21: Chỉ ra được vai trò thủy văn của rừng
	Chỉ báo 22: Chỉ ra được vai trò bảo vệ đất của rừng
	Chỉ báo 23: Chỉ ra được vai trò của rừng đối với nâng cao chất lượng cuộc sống
	Chỉ báo 24: Chỉ ra được những xu hướng mới trong quản lý và phát triển dịch vụ sinh thái của rừng.
	Chỉ báo 25: Tóm tắt được nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam

Rubric 1: Đánh giá tham dự và câu hỏi kiểm tra nhanh

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4.0-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thời gian tham dự	30	Tham dự đủ 100% số buổi học	Tham dự 85-100% số buổi học	Tham dự 65-85% số buổi học	Tham dự dưới 65 % số buổi học
Thái độ tham dự trên lớp	30	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Câu hỏi kiểm tra nhanh	40	Trả lời đúng >80% câu hỏi	Trả lời đúng 60-80% câu hỏi	Trả lời đúng 50-60% câu hỏi	Trả lời đúng <50% câu hỏi

Rubric 2. Thảo luận trên lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 7-8,4 điểm	Trung bình 4-6,9 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thời gian tham dự	20	Tham gia đầy đủ, thực hiện đúng phân công	Tham gia chưa đầy đủ theo phân công	Tham gia không theo phân công	Không tham gia
Thái độ tham dự	20	Luôn chú ý và tham gia đầy đủ, hợp tác tốt (Thường xuyên đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Khá chú ý, có tham gia (Có đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Có chú ý, ít tham gia (Ít đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)	Không chú ý/không tham gia, gây mâu thuẫn nhóm (Không đóng góp ý kiến vào sản phẩm chung của nhóm)
Nêu vấn đề/câu hỏi thảo luận	20	Vấn đề/câu hỏi phù hợp với nội dung bài học, có tính gợi mở và vận dụng	Vấn đề/câu hỏi khá phù hợp với nội dung bài học, có tính vận dụng	Vấn đề/câu hỏi tương đối phù hợp với nội dung bài học, không có tính gợi mở hoặc vận dụng	Không đặt được vấn đề/câu hỏi hoặc vấn đề/câu hỏi không phù hợp với nội dung bài học
Kết quả thảo luận	40	Kết quả đầy đủ	Kết quả khá đầy đủ	Kết quả tương đối đầy đủ	Không có kết quả

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu: Vào lớp muộn 15 phút sẽ coi như vắng tiết học đó. Sinh viên nộp bài chậm trong 12 giờ đồng hồ sẽ bị trừ 50% điểm, sau 12 giờ đồng hồ giáo viên sẽ không nhận bài.
- Không trao đổi việc riêng và sử dụng điện thoại trong giờ học.
- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và với giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1) Nông Hữu Dương, Nguyễn Thu Thùy (2020). Bài giảng Tài nguyên rừng. NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

* Tài liệu tham khảo khác:

1) Nguyen Quang Tan and Luong Quang Hung (2015). Viet Nam Case Study Prepared for FAO as part of the State of the World's Forests 2016 (SOFO). RECOFTC – The Center for People and Forests.

2) Grebner, Donald L., Peter Bettinger, and Jacek P. Siry (2013). Introduction to forestry and natural resources. Academic Press.

3) Nguyễn Thanh Huyền (2013). Pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam. NXB Quốc gia - Sự thật, 250 Tr.

4) Phạm Thu Thủy, Karen Bennett, Vũ Tấn Phương, Brunner Jake, Lê Ngọc Dũng và Nguyễn Đình Tiến (2013). Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn. Báo cáo chuyên đề 98. Bogor, Indonesia: CIFOR.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2 (6t)	Chương 1: Những khái niệm cơ bản về rừng	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 1.1. Tài nguyên sinh vật và sinh vật rừng 1.2. Lâm nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên 1.3. Khái niệm về rừng 1.4. Thành phần và chu trình dinh dưỡng trong rừng nhiệt đới 1.5. Các nhân tố cấu trúc rừng 1.6. Một số quy luật vận động của rừng Nội dung thảo luận (2 tiết) 1.7. Vai trò của tài nguyên rừng đối với con người và môi trường	K1, K6, K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) (đọc và tổng quan tài liệu theo yêu cầu của giảng viên)	K1, K7
3 (3t)	Chương 2: Phân loại thảm thực vật rừng	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 2.1. Tổng quan về phân loại rừng 2.2. Phân loại rừng ôn đới 2.3. Phân loại rừng nhiệt đới 2.4. Phân loại rừng ở Việt Nam	K2, K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) (đọc và tổng quan tài liệu theo yêu cầu của giảng viên)	K2, K7
4-5 (6t)	Chương 3: Hiện trạng và diễn biến tài nguyên rừng trên thế giới và Việt Nam	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 3.1. Hiện trạng tài nguyên rừng trên thế giới 3.2. Nguyên nhân chính làm mất rừng và suy thoái rừng trên thế giới 3.3. Hiện trạng tài nguyên rừng ở Việt Nam 3.4. Diễn biến diện tích rừng ở Việt Nam 3.5. Nguyên nhân chính làm mất rừng và suy thoái rừng ở Việt Nam Nội dung thảo luận: (2 tiết) 3.6. Hậu quả của suy thoái rừng và mất rừng	K3, K6, K7

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) (đọc và tổng quan tài liệu theo yêu cầu của giảng viên)	K3, K7
6-8 (9t)	Chương 4: Quản lý và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 4.1. Quản lý tài nguyên rừng trong phát triển bền vững 4.2. Nội dung cơ bản trong sử dụng rừng bền vững 4.3. Các chính sách và giải pháp quản lý phát triển tài nguyên rừng Việt Nam 4.4. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng Nội dung thảo luận: (3 tiết) 4.5. Chính sách giao đất giao rừng và quản lý rừng dựa trên cơ sở cộng đồng	K4, K6, K7
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 tiết) (đọc và tổng quan tài liệu theo yêu cầu của giảng viên)	K4, K7
9-10 (6t)	Chương 5: Dịch vụ sinh thái và môi trường rừng	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 5.1. Một số khái niệm cơ bản 5.2. Chức năng sinh thái của rừng 5.3. Vai trò hình thành khí hậu của rừng 5.4. Vai trò thủy văn của rừng 5.5. Vai trò bảo vệ đất của rừng 5.6. Vai trò của rừng đối với nâng cao chất lượng cuộc sống 5.7. Chi trả dịch vụ môi trường rừng Nội dung thảo luận: (2 tiết) 5.8. Xu hướng mới trong quản lý và phát triển dịch vụ sinh thái của rừng	K5, K6, K7
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) (đọc và tổng quan tài liệu theo yêu cầu của giảng viên)	K5, K7

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, máy chiếu projector
- Kết nối Internet, E-learning

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018

- Lần 4: 7/ 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 20....
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Bích Yên

TS. Nông Hữu Dương

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. NGÔ THẾ ÂN

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nông Hữu Dương	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0329.182.354
Email: nhduong@vnua.edu.vn	Trang web: www.kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Sinh thái Nông nghiệp, Khoa Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thu Thùy	Học hàm, học vị: TS.
Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: nguyenthuy@vnua.edu.vn	Trang web: www.kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, điện thoại, hoặc liên hệ gặp trực tiếp tại Bộ môn Sinh thái Nông nghiệp, Khoa Môi trường	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Phan Thị Thúy	Học hàm, học vị: TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Sinh thái Môi trường	Điện thoại liên hệ: 0948.555.493
Email: phanthuystnv@gmail.com	Trang web: http://kmt.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại, email và gặp trực tiếp	